

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN 1	MÃ SỐ 2	T. MINH 3	SỐ CUỐI KỲ 4	SỐ ĐẦU NĂM 5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,185,530,999,909	976,609,750,273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		77,587,361,115	132,600,437,262
1. Tiền	111	V.01	32,587,361,115	91,600,437,262
2. Các khoản tương đương tiền	112		45,000,000,000	41,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		258,729,435,684	186,813,872,045
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.02	155,301,605,697	134,019,263,387
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38,703,582,088	40,176,757,228
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1,850,301,999	1,850,301,999
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	67,289,871,434	17,445,801,397
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,415,925,534)	(6,678,251,966)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	757,675,890,043	623,301,474,910
1. Hàng tồn kho	141		763,632,715,906	645,063,444,357
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5,956,825,863)	(21,761,969,447)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		91,538,313,067	33,893,966,056
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	12,798,633,303	6,145,585,106
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		78,739,679,764	27,748,380,950
3- Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5 - Tài sản ngắn hạn khác	155			

TÀI SẢN 1	MÃ SỐ 2	T. MINH 3	SỐ CUỐI KỲ 4	SỐ ĐẦU NĂM 5
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,091,297,529,227	1,044,814,832,207
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			-
II. Tài sản cố định	220		696,624,674,801	690,717,745,742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	527,998,849,603	547,077,556,244
- Nguyên giá	222		1,256,751,606,135	1,260,686,211,189
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(728,752,756,532)	(713,608,654,945)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	96,422,894,301	68,858,326,771
- Nguyên giá	225		108,078,746,862	71,341,985,333
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(11,655,852,561)	(2,483,658,562)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	72,202,930,897	74,781,862,727
- Nguyên giá	228		89,601,008,700	89,552,133,762
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17,398,077,803)	(14,770,271,035)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	116,309,421,416	118,479,226,677
- Nguyên giá	231		117,556,801,651	121,280,625,580
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1,247,380,235)	(2,801,398,903)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		59,080,222,944	20,916,163,961
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	59,080,222,944	20,916,163,961
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		148,994,307,401	142,494,386,803
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	75,060,920,155	34,767,513,900
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	113,046,152,000	113,046,152,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	5,352,050,000	5,352,050,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(44,464,814,754)	(10,671,329,097)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70,288,902,665	72,207,309,024
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	68,204,045,236	70,166,610,437
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2,084,857,429	2,040,698,587
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,276,828,529,136	2,021,424,582,480

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	4
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 410 + 420)	300		1,417,978,355,568	1,244,730,091,783
I. Nợ ngắn hạn	310		1,168,664,189,724	984,416,085,399
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	217,004,970,595	127,689,487,108
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62,119,047,921	93,805,719,982
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.18	2,310,501,360	3,352,471,801
4. Phải trả người lao động	314		48,802,444,464	59,294,359,604
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	11,189,478,181	10,766,268,840
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	8,984,905,484	31,994,102,475
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	776,360,687,519	646,902,840,898
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	41,892,154,200	10,610,834,691
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		249,314,165,844	260,314,006,384
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	19,825,448,142	17,876,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	207,267,533,202	221,826,238,509
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		22,221,184,500	20,611,767,875
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	4
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		858,850,173,568	776,694,490,697
I. Vốn chủ sở hữu	410		858,850,173,568	776,694,490,697
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	491,999,510,000	491,999,510,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		491,999,510,000	491,999,510,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	22,720,075,000	22,720,075,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.22	(5,939,990,000)	(5,939,990,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	117,415,559,259	66,895,435,333
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.22	27,438,003,113	27,438,003,113
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	205,217,016,196	173,581,457,251
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		51,501,529,454	35,850,061,140
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		153,715,486,742	137,731,396,111
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2,276,828,529,136	2,021,424,582,480

Người lập biểu



PHẠM THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng



NGUYỄN MINH HẢO

TP. HCM, Ngày 20 Tháng 01 năm 2016

Trưởng Giám Đốc



KIM DONG JU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		641,193,199,667	631,194,450,465	2,767,925,510,331	2,551,005,117,701
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1,295,708,135	1,177,148,104	2,835,426,366	9,019,347,253
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.01	639,897,491,532	630,017,302,361	2,765,090,083,965	2,541,985,770,448
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	538,674,793,386	550,953,288,396	2,324,162,965,465	2,171,538,434,265
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		101,222,698,146	79,064,013,965	440,927,118,500	370,447,336,183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6,921,679,499	4,642,582,003	24,632,639,168	12,895,905,136
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	45,436,448,957	5,532,034,507	115,134,859,607	46,009,621,426
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,090,774,719	5,699,663,115	21,462,767,793	26,965,351,933
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	23,467,181,584	19,927,208,802	85,823,441,848	68,630,460,977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	23,730,607,378	23,497,428,635	102,773,939,383	94,957,277,827
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		15,510,139,726	34,749,924,024	161,827,516,830	173,745,881,089
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1,538,840,467	5,982,457,265	6,528,276,877	8,350,223,855
12. Chi phí khác	32	VI.08	834,050,499	9,960,180	1,745,790,096	1,664,174,003
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		704,789,968	5,972,497,085	4,782,486,781	6,686,049,852
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16,214,929,694	40,722,421,109	166,610,003,611	180,431,930,941
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,187,026,891	2,685,189,298	12,938,675,711	13,538,758,858
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(23,887,213)	58,002,884	(44,158,842)	(297,924,628)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		15,051,790,016	37,979,228,927	153,715,486,742	167,191,096,711
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



PHẠM THỊ THANH THÚY

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN MINH HẢO

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



KIM DUNG JU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			166,610,003,611	180,431,930,941
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		65,084,456,768	57,249,519,082
- Các khoản dự phòng	03		15,726,015,641	8,095,643,932
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		16,032,094,035	5,297,189,896
- (Lãi), lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(7,251,381,966)	(4,130,165,924)
- Chi phí lãi vay	06		21,462,767,793	26,965,351,933
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		277,663,955,882	273,909,469,860
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(122,392,975,564)	5,376,726,234
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(118,569,271,549)	(22,444,846,773)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		55,908,287,370	17,063,800,462
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(4,690,482,996)	5,732,984,333
- (Tăng), giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21,604,901,715)	(27,056,771,643)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14,436,838,118)	(16,475,383,551)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		38,570,000	1,477,768,782
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10,857,353,762)	(8,518,272,018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41,058,989,548	229,065,475,686
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(114,598,089,947)	(100,299,830,199)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4,686,750,976	3,684,039,796
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,739,622,484	1,949,793,072
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(108,171,716,487)	(94,665,997,331)

Chi tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	đến cuối tháng này	
			Năm nay 4	Năm trước 5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,154,586,995,054	1,841,503,101,498
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,058,317,765,721)	(1,890,616,239,039)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(25,234,822,061)	(12,749,198,500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(58,907,353,680)	(49,089,942,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12,127,053,592	(110,952,278,791)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(54,985,673,347)	23,447,199,564
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		132,600,437,262	109,215,760,075
Ảnh hưởng của tỉ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(27,402,800)	(62,522,377)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70=50+60+61)	70		77,587,361,115	132,600,437,262

Người lập biểu



PHẠM THỊ THANH THỦY

Kế toán trưởng



NGUYỄN MINH HẢO

TP.HCM, Ngày 20 Tháng 01 năm 2016



KIM DONG JU

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn :

Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004932 ngày 23 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 số 0301446221 ngày 17 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn cổ phần của Công ty là 491.999.510.000 đồng và E-land Asia Holding Pte Ltd, một Công ty thành lập tại Singapore, là cổ đông chính của Công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, dịch vụ, thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may

Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh - thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải

Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị

Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ

Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại,

Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc – thiết bị

Môi giới thương mại

Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

4. **Tổng số các công ty con:** tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, công ty có 5 công ty con.

5. **Danh sách các công ty con:**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Trung Tâm Y Khoa Thành Công	số 36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	70,94%	70,94%
Công ty Cổ phần Thành Quang	Áp Đức Hạnh, xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	97,50%	97,50%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thành Công – Vĩnh Long	Xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	100%	100%
Công ty TNHH TC Tower	Quận Tân Phú, TP.HCM	85,33%	85,33%
Công ty TNHH Một Thành Viên TC Eland	194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, công ty chưa góp vốn vào Công ty TNHH TC Tower.

6. **Danh sách các công ty liên kết:**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Thành Chí	37 Đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu	47,43%	47,43%
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công	72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TPHCM.	24,75%	24,75%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc	Quận Tân Phú, TP.HCM.	23,79%	23,79%
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	30,00%	30,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7 – 15
Tài sản cố định khác	7 – 22

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 15 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong số năm phù hợp với từng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Nhà cửa vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính 50 năm.

Lãi, lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là doanh thu và giá vốn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất tại các Khu công nghiệp Xuyên Á – Tỉnh Long An, Khu công nghiệp Nhì Xuân – Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh và các khoản trả trước dài hạn khác. Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế khác, và thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính nằm trong khu công nghiệp. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo, căn cứ vào các văn bản sau:

- Khoản 1 điều 36 chương V nghị định 187/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 của Chính Phủ về chuyển công ty nhà nước thành Công ty Cổ Phần.
- Khoản 3 điều 36 chương V nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 về luật thuế TNDN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

- Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế TNDN
- Điều 5.1.2, 6.1.1 thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung thông tư 128/2003/TT-BTC
- Công văn số 11180/CT-TTHT, ngày 23/12/2011 của Cục thuế TPHCM
- Công văn số 2514/CT-TTHT, ngày 16/04/2012 của Cục thuế TPHCM

Đối với hoạt động dịch vụ cho thuê văn phòng trong khu công nghiệp, công ty áp dụng thuế suất 20% trong 10 năm (2006-2015), miễn thuế 2 năm (2006-2007), giảm 50% thuế trong 6 năm tiếp theo (2008-2013) căn cứ theo thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung thông tư 128/2003/TT-BTC

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Việc đánh giá lại các khoản mục tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo VAS số 10 - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*. Theo đó, toàn bộ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	848,014,040	410,586,845
Tiền gửi ngân hàng	31,739,347,075	91,189,850,417
Các khoản tương đương tiền	45,000,000,000	41,000,000,000
Cộng	<u>77,587,361,115</u>	<u>132,600,437,262</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Sanmar Coproration	11,109,032,280	22,694,998,290
b. Các bên liên quan		
Eland Fashion Sanghai Co.LTD	1,543,419,990	3,165,231,813
Eland Fashion Hong Kong Limited	1,130,604,900	2,385,261,588
Eland International Fashion Shanghai Co.LTD	3,085,948,489	1,713,623,088
Công ty TNHH Eland VN		100,936,635
Eland World LTD	47,517,326,523	22,961,175,289
Eland retail		1,823,045,028
Wish Fashion Shanghai Co.LTD		834,265,850
E-Land Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	21,935,155,050	
Eland Fashion Hong Kong Limited - Taiwan Branch	175,475,935	
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công		69,629,232
Công ty TNHH MTV Thành Công-Vĩnh Long		
c. Các khách hàng khác	<u>68,804,642,530</u>	<u>78,271,096,574</u>
Cộng	<u>155,301,605,697</u>	<u>134,019,263,387</u>

3. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	4,494,679,969	3,682,749,364
Ký cược, ký quỹ	333,650,000	401,180,000
Phải thu về cổ tức	1,040,950,000	2,602,375,000
Công ty TNHH MTV Thành Công-Vĩnh Long	60,661,079,302	
Phải thu khác	759,512,163	10,759,497,033
Cộng	<u>67,289,871,434</u>	<u>17,445,801,397</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi đường	78,146,323,784		66,541,684,138	
Nguyên liệu, vật liệu	219,437,439,276		199,589,780,336	
Công cụ, dụng cụ	1,875,354,931		7,723,197	
Chi phí SXKD dở dang	179,277,826,958		126,716,300,483	
Thành phẩm	262,342,901,666	(5,956,825,863)	245,498,821,239	(21,761,969,447)
Hàng hóa	2,509,678,904		2,307,789,225	
Hàng gửi đi bán	20,043,190,387		4,401,345,739	
Cộng	<u>763,632,715,906</u>	<u>(5,956,825,863)</u>	<u>645,063,444,357</u>	<u>(21,761,969,447)</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8,233,338,287	5,396,269,954
Khác	4,565,295,016	749,315,152
Cộng	<u>12,798,633,303</u>	<u>6,145,585,106</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản Mục	Nhà Cửa	Máy Móc Thiết Bị	Phương Tiện Vận Tải	Thiết Bị Dụng Cụ Quản Lý	TSCĐ Khác	Tổng Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	267,713,225,233	847,158,071,855	16,558,166,196	10,432,434,035	118,824,313,870	1,260,686,211,189
Mua trong kỳ		3,003,021,371	4,557,962,400	1,059,435,779	2,507,227,727	11,127,647,277
Chuyển từ XDCB dở dang		45,868,458,473		454,558,497	739,013,332	47,062,030,302
Chuyển từ BĐSĐT	6,804,572,460					6,804,572,460
Chuyển sang BĐSĐT	(3,080,748,531)					(3,080,748,531)
Góp vốn vào Công ty Thành Công Vĩnh Long	-	(25,382,789,228)				(25,382,789,228)
Thanh lý, nhượng bán		(30,561,311,241)	(1,366,091,866)	(3,759,348,792)	(4,778,565,435)	(40,465,317,334)
Số dư cuối kỳ	271,437,049,162	840,085,451,230	19,750,036,730	8,187,079,519	117,291,989,494	1,256,751,606,135
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	99,439,026,808	510,999,388,831	8,927,446,425	6,839,201,060	87,403,591,821	713,608,654,945
Khấu hao trong kỳ	5,501,454,892	38,972,489,416	1,612,274,034	665,833,663	6,342,107,460	53,094,159,465
Khấu hao chuyển từ BĐSĐT	2,191,390,210					2,191,390,210
Khấu hao chuyển qua BĐSĐT	(447,075,006)					(447,075,006)
Thanh lý, nhượng bán		(30,339,350,570)	(956,257,519)	(3,759,348,792)	(4,639,416,201)	(39,694,373,082)
Số dư cuối kỳ	106,684,796,904	519,632,527,677	9,583,462,940	3,745,685,931	89,106,283,080	728,752,756,532
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	168,274,198,425	336,158,683,024	7,630,719,771	3,593,232,975	31,420,722,049	547,077,556,244
Tại ngày cuối kỳ	164,752,252,258	320,452,923,553	10,166,573,790	4,441,393,588	28,185,706,414	527,998,849,603
Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:		354,914,618,809	đồng			

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản Mục	Máy Móc Thiết Bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	71,341,985,333
Chuyển từ XDCB dở dang	36,736,761,529
Số dư cuối kỳ	108,078,746,862
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	2,483,658,562
Khấu hao trong kỳ	9,172,193,999
Số dư cuối kỳ	11,655,852,561
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	68,858,326,771
Tại ngày cuối kỳ	96,422,894,301

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản Mục	Quyền sử dụng đất	Bảng quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	74,334,416,604	3,942,895,847	11,274,821,311	89,552,133,762
Chuyển từ XDCB dở dang			48,874,938	48,874,938
Số dư cuối kỳ	74,334,416,604	3,942,895,847	11,323,696,249	89,601,008,700
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	9,334,369,070	2,558,012,227	2,877,889,738	14,770,271,035
Khấu hao trong kỳ	617,618,178	671,121,970	1,339,066,620	2,627,806,768
Số dư cuối kỳ	9,951,987,248	3,229,134,197	4,216,956,358	17,398,077,803
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	65,000,047,534	1,384,883,620	8,396,931,573	74,781,862,727
Tại ngày cuối kỳ	64,382,429,356	713,761,650	7,106,739,891	72,202,930,897

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2,542,241,124 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản Mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11,620,896,678	109,659,728,902	121,280,625,580
Chuyển từ TSCĐ HH sang	3,080,748,531		3,080,748,531
Chuyển sang TSCĐ HH	(6,804,572,460)		(6,804,572,460)
Số dư cuối kỳ	7,897,072,749	109,659,728,902	117,556,801,651
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2,801,398,903	-	2,801,398,903
Khấu hao trong kỳ	190,296,536		190,296,536
Khấu hao chuyển từ TSCĐ HH	447,075,006		447,075,006
Khấu hao chuyển sang TSCĐ HH	(2,191,390,210)		(2,191,390,210)
Số dư cuối kỳ	1,247,380,235	-	1,247,380,235
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8,819,497,775	109,659,728,902	118,479,226,677
Tại ngày cuối kỳ	6,649,692,514	109,659,728,902	116,309,421,416

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	20,916,163,961	11,633,469,068
Tăng	141,989,429,121	87,933,559,412
Chuyển sang TSCĐ thuê tài chính	(36,736,761,529)	(71,341,985,333)
Chuyển khác	(19,977,703,369)	(1,094,976,916)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(47,062,030,302)	(6,213,902,270)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	(48,874,938)	
Số dư cuối kỳ	59,080,222,944	20,916,163,961

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án chủ yếu như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án thành công TC 1	23,881,110,714	12,400,477,320
Mua sắm MMTB	34,721,203,139	6,858,859,091
Khác	477,909,091	1,656,827,550
Cộng	59,080,222,944	20,916,163,961

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

11. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Trung tâm Y Khoa Thành Công	14,055,000,000	14,055,000,000
Công ty CP Thành Quang	20,712,513,900	20,712,513,900
Công ty TNHH MTV TC Eland	3,000,000,000	
Công ty TNHH MTV Thành Công-Vĩnh Long	37,293,406,255	
Cộng	<u>75,060,920,155</u>	<u>34,767,513,900</u>

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tại 31.12.2015		Tại 31.12.2014	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Thành Chí	20,709,040,000	47.43%	20,709,040,000	47.43%
Công ty CP Thành Phúc	1,665,000,000	23.79%	1,665,000,000	23.79%
Công ty CP Du Lịch GOLF Vũng Tàu	8,700,000,000	30.00%	8,700,000,000	30.00%
Công ty CP chứng khoán Thành Công	81,972,112,000	24.75%	81,972,112,000	24.75%
Cộng	<u>113,046,152,000</u>		<u>113,046,152,000</u>	

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Dệt Việt Thắng	125,000,000	125,000,000
Công ty CP Dệt May Thắng Lợi	1,576,000,000	1,576,000,000
Công ty CP Dệt May Huế	318,000,000	318,000,000
Công ty CP SY Vina	883,450,000	883,450,000
Ngân hàng CP Ngoại Thương VN	2,449,600,000	2,449,600,000
Cộng	<u>5,352,050,000</u>	<u>5,352,050,000</u>

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	70,166,610,437	77,418,823,053
Tăng	2,027,831,436	
Phân bổ	(3,990,396,637)	(7,252,212,616)
Cộng	<u>68,204,045,236</u>	<u>70,166,610,437</u>

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	706,561,994	1,614,681,888
Thuê đất	67,497,483,242	68,548,112,642
Khác		3,815,907
Cộng	<u>68,204,045,236</u>	<u>70,166,610,437</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong Kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Số tăng	Số giảm	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các ngân hàng	575,867,679,182	575,867,679,182	2,151,173,845,625	2,012,774,991,755	714,266,533,052	714,266,533,052
- Far East Bank	19,116,176,001	19,116,176,001	111,353,007,323	127,550,693,114	2,918,490,210	2,918,490,210
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	242,026,816,090	242,026,816,090	709,886,501,144	699,771,088,482	252,142,228,752	252,142,228,752
- Ngân hàng Standard Chartered	26,263,067,743	26,263,067,743	136,130,703,956	162,393,771,699	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	82,110,253,254	82,110,253,254	395,059,854,389	304,232,553,368	172,937,554,275	172,937,554,275
- Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	58,847,224,637	58,847,224,637	289,695,463,524	279,398,601,859	69,144,086,302	69,144,086,302
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	14,656,400,883	14,656,400,883	68,985,051,666	48,240,105,781	35,401,346,768	35,401,346,768
- Ngân hàng Sinopac - CN TP.HCM			60,448,571,909	11,348,393	60,437,223,516	60,437,223,516
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN.TPHCM	132,847,740,574	132,847,740,574	379,614,691,714	391,176,829,059	121,285,603,229	121,285,603,229
Vay dài hạn đến hạn trả	52,283,552,000	52,283,552,000	47,353,122,838	67,438,098,719	32,198,576,119	32,198,576,119
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	18,751,609,716	18,751,609,716	36,705,467,265	25,561,498,633	29,895,578,348	29,895,578,348
Cộng	646,902,840,898	646,902,840,898	2,235,232,435,728	2,105,774,589,107	776,360,687,519	776,360,687,519

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong Kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Số tăng	Số giảm	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
- Cty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN TP.HCM	29,203,295,666	29,203,295,666	31,132,462,826	35,712,194,118	24,623,564,374	24,623,564,374
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	15,048,120,000	15,048,120,000	725,012,000	6,015,216,000	9,757,916,000	9,757,916,000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh			18,526,188,408	8,372,538,816	10,153,649,592	10,153,649,592
- SGD Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN	27,382,480,000	27,382,480,000	464,640,000	27,847,120,000	-	-
- Công ty E-Land Asia Holding	149,520,000,000	149,520,000,000	8,120,000,000		157,640,000,000	157,640,000,000
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ VN - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh			8,375,494,494	3,283,091,258	5,092,403,236	5,092,403,236
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	672,342,843	672,342,843		672,342,843	-	-
Cộng	221,826,238,509	221,826,238,509	67,343,797,728	81,902,503,035	207,267,533,202	207,267,533,202

Khoản vay dài hạn các ngân hàng để đầu tư xây dựng cơ bản và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Các bên liên quan		
Eland International Fashion (Shanghai) Co LTD	31,397,592,759	8,139,709,455
Eland World LTD	11,922,392,020	4,128,022,920
Wish Trading (Shanghai) Co.LTD	107,343,157	
Công ty CP SY Vina	24,015,646	
Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex	298,310,408	206,294,364
Công ty TNHH MTV Thành Công-Vĩnh Long	8,213,256,339	
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công		389,760,000
b.Các đối tượng khác	<u>165,042,060,266</u>	<u>114,825,700,369</u>
Cộng	<u>217,004,970,595</u>	<u>127,689,487,108</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,187,026,891	2,685,189,298
Thuế thu nhập cá nhân	1,123,474,469	667,282,503
Cộng	<u>2,310,501,360</u>	<u>3,352,471,801</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	102,849,457	
Kinh phí công đoàn	1,440,639,835	1,058,912,264
Cổ tức phải trả	118,884,570	29,566,537,650
Phải trả quỹ bảo trợ	594,366,750	363,656,750
Phải trả quỹ giữ hộ	67,582,883	871,518,344
Quỹ thu chi hộ BHXH	764,735,863	
Nhận ký quỹ, ký cược	5,786,540,970	
Phải trả khác	109,305,156	133,477,467
Cộng	<u>8,984,905,484</u>	<u>31,994,102,475</u>

20. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng	17,876,000,000	17,876,000,000
Nhận ký quỹ, ký cược	1,949,448,142	
Cộng	<u>19,825,448,142</u>	<u>17,876,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí kiểm toán	132,000,000	132,000,000
Hoa hồng bán hàng		187,850,400
Chi phí phải trả khác	4,418,948,132	5,200,951,938
Chi phí lãi vay	6,638,530,049	5,245,466,502
Cộng	<u>11,189,478,181</u>	<u>10,766,268,840</u>

22. Vốn chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	90,000	90,000
Vốn góp của E-Land Holdings Pte.LTD	212,707,990,000	212,707,990,000
Vốn góp của các cổ đông khác	279,291,430,000	279,291,430,000
Thặng dư vốn cổ phần	22,720,075,000	22,720,075,000
Cổ phiếu quỹ	(5,939,990,000)	(5,939,990,000)
Cộng	<u>508,779,595,000</u>	<u>508,779,595,000</u>

Danh sách các cổ đông chính được chốt bởi Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) tại ngày 04 tháng 06 năm 2015.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49,199,951	49,199,951
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49,199,951	49,199,951
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49,199,951	49,199,951
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	100,450	100,450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100,450	100,450
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49,099,501	49,099,501
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49,099,501	49,099,501

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	6	7	8
Số dư đầu năm trước	<u>491,999,510,000</u>	<u>22,720,075,000</u>	<u>(5,939,990,000)</u>	<u>42,191,799,435</u>	<u>15,086,185,164</u>	<u>140,532,742,910</u>	<u>706,590,322,509</u>
- Lợi nhuận năm trước						167,191,096,711	167,191,096,711
- Trích lập các quỹ trong năm trước				24,703,635,898	12,351,817,949	(55,583,180,770)	(18,527,726,923)
- Chia cổ tức năm trước						(78,559,201,600)	(78,559,201,600)
Số dư cuối năm trước	<u>491,999,510,000</u>	<u>22,720,075,000</u>	<u>(5,939,990,000)</u>	<u>66,895,435,333</u>	<u>27,438,003,113</u>	<u>173,581,457,251</u>	<u>776,694,490,697</u>
Số dư đầu năm nay	<u>491,999,510,000</u>	<u>22,720,075,000</u>	<u>(5,939,990,000)</u>	<u>66,895,435,333</u>	<u>27,438,003,113</u>	<u>173,581,457,251</u>	<u>776,694,490,697</u>
- Lợi nhuận năm nay						153,715,486,742	153,715,486,742
- Trích lập các quỹ trong năm nay				50,520,123,926		(92,620,227,197)	(42,100,103,271)
- Chia cổ tức năm nay						(29,459,700,600)	(29,459,700,600)
Số dư cuối năm nay	<u>491,999,510,000</u>	<u>22,720,075,000</u>	<u>(5,939,990,000)</u>	<u>117,415,559,259</u>	<u>27,438,003,113</u>	<u>205,217,016,196</u>	<u>858,850,173,568</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	8,434,427,015		25,260,061,963	(1,070,875,366)	32,623,613,612
Quỹ phúc lợi	2,176,407,676	38,570,000	16,840,041,308	(9,786,478,396)	9,268,540,588
Cộng	<u>10,610,834,691</u>	<u>38,570,000</u>	<u>42,100,103,271</u>	<u>(10,857,353,762)</u>	<u>41,892,154,200</u>

24. Cổ tức phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	29,566,537,650	97,278,800
Số cổ tức công bố trong năm	29,459,700,600	78,559,201,600
Số cổ tức đã trả bằng tiền trong năm	<u>(58,907,353,680)</u>	<u>(49,089,942,750)</u>
Cộng	<u>118,884,570</u>	<u>29,566,537,650</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	2,767,925,510,331	2,551,005,117,701
- Doanh thu xuất khẩu	2,443,798,386,839	2,232,444,877,082
- Doanh thu nội địa	236,916,140,362	244,470,887,920
- Phí gia công	79,560,031,576	65,580,887,121
- Doanh thu khác	7,650,951,554	8,508,465,578
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2,835,426,366)	(9,019,347,253)
- Giảm giá hàng bán	(40,616,993)	(6,584,558)
- Hàng bán trả lại	<u>(2,794,809,373)</u>	<u>(9,012,762,695)</u>
Doanh thu thuần	<u>2,765,090,083,965</u>	<u>2,541,985,770,448</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	1,433,074,719,263	1,449,451,651,813
Chi phí nhân công	434,843,837,526	326,768,641,384
Chi phí khấu hao	58,902,787,959	50,472,223,851
Chi phí sản xuất chung	390,351,379,674	326,423,091,203
Chi phí khác	6,990,241,043	18,422,826,014
Cộng	<u>2,324,162,965,465</u>	<u>2,171,538,434,265</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,118,375,242	1,748,171,595
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1,217,200,000	176,250,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21,297,063,926	10,971,483,541
Cộng	<u>24,632,639,168</u>	<u>12,895,905,136</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	21,462,767,793	26,965,351,933
(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	33,793,485,657	(825,823,013)
Chi phí tài chính khác		6,440,000
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16,032,094,035	5,297,189,896
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43,846,512,122	14,566,462,610
Cộng	<u><u>115,134,859,607</u></u>	<u><u>46,009,621,426</u></u>

5. Chi phí bán hàng

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	30,441,247,610	21,798,834,103
Phí vận chuyển	15,212,057,083	15,138,881,269
Phí ngân hàng	7,651,120,986	6,124,037,530
Hoa hồng, chiết khấu	5,105,516,697	6,274,720,667

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	43,320,727,405	45,104,751,808
Chi phí thuê đất	5,512,660,920	2,650,317,750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,073,747,810	4,124,666,603
Dự phòng trợ cấp mất việc	4,557,544,894	4,689,369,599
Phí tiện ích	2,043,740,124	2,255,760,188

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3,915,806,724	2,205,744,329
Thu thanh lý, nhượng bán vật tư	871,016,239	4,202,576
Thu khác	1,741,453,914	6,140,276,950
Cộng	<u><u>6,528,276,877</u></u>	<u><u>8,350,223,855</u></u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi từ thanh lý, nhượng bán vật tư	879,738,687	506,250
Chi phí khác	866,051,409	1,663,667,753
Cộng	<u><u>1,745,790,096</u></u>	<u><u>1,664,174,003</u></u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,336,715,312,906	1,407,975,615,966
Chi phí nhân công	474,251,915,388	420,871,664,708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65,084,456,768	57,249,519,082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	564,144,192,483	400,634,440,435
Chi phí khác	111,906,045,151	91,177,780,087
Cộng	<u><u>2,552,101,922,696</u></u>	<u><u>2,377,909,020,278</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Các khoản vay	983,628,220,721	868,729,079,407
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	77,587,361,115	132,600,437,262
Nợ thuần	906,040,859,606	736,128,642,145
Vốn chủ sở hữu	858,850,173,568	776,694,490,697
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1.05	0.95

Các chính sách kế toán chủ yếu:

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại thuyết minh IV.

Các loại công cụ tài chính:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	77,587,361,115	132,600,437,262
Phải thu khách hàng và phải thu khác	215,197,523,627	142,553,185,453
Các khoản đầu tư	2,767,600,000	2,767,600,000
Các khoản ký quỹ	333,650,000	401,180,000
Tổng	295,886,134,742	278,322,402,715
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	54,519,142,722	47,954,905,382
Các khoản vay	929,109,077,999	820,774,174,025
Phải trả người bán và phải trả khác	225,989,876,079	159,683,589,583
Chi phí phải trả	11,189,478,181	10,766,268,840
Tổng	1,220,807,574,981	1,039,178,937,830

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu, và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

Quản lý rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la mỹ (USD)	1,031,735,997,041	902,918,377,056	182,060,957,821	217,620,592,371
Euro (EUR)	3,492,919,125	240,861,065	5,400,842	6,006,132
Kwon (Won)	282,188,079			
Yên Nhật (JPY)	11,636,780,000		18,421,424	17,931,727
Tổng cộng	1,047,147,884,245	903,159,238,121	182,084,780,087	217,644,530,230

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của đồng ngoại tệ USD so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 84,967,503,922 đồng tương ứng.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng 18,582,181,560 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	77,587,361,115		77,587,361,115
Phải thu khách hàng và phải thu khác	215,197,523,627		215,197,523,627
Các khoản đầu tư		2,767,600,000	2,767,600,000
Các khoản ký quỹ	333,650,000		333,650,000
Tổng cộng	293,118,534,742	2,767,600,000	295,886,134,742
Các khoản nợ thuê tài chính	29,895,578,348	24,623,564,374	54,519,142,722
Các khoản vay	746,465,109,171	182,643,968,828	929,109,077,999
Phải trả người bán và phải trả khác	225,989,876,079		225,989,876,079
Chi phí phải trả	11,189,478,181		11,189,478,181
Tổng cộng	1,013,540,041,779	207,267,533,202	1,220,807,574,981
Chênh lệch thanh khoản thuần	(720,421,507,037)	(204,499,933,202)	(924,921,440,239)
Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	132,600,437,262		132,600,437,262
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142,553,185,453		142,553,185,453
Các khoản đầu tư		2,767,600,000	2,767,600,000
Các khoản ký quỹ	401,180,000		401,180,000
Tổng cộng	275,554,802,715	2,767,600,000	278,322,402,715
Các khoản nợ thuê tài chính	18,751,609,716	29,203,295,666	47,954,905,382
Các khoản vay	628,151,231,182	192,622,942,843	820,774,174,025
Phải trả người bán và phải trả khác	159,683,589,583		159,683,589,583
Chi phí phải trả	10,766,268,840		10,766,268,840
Tổng cộng	817,352,699,321	221,826,238,509	1,039,178,937,830
Chênh lệch thanh khoản thuần	(541,797,896,606)	(219,058,638,509)	(760,856,535,115)

Bất chấp các chênh lệch thanh khoản hiện tại, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bằng việc duy trì tối thiểu một số các khoản tín dụng sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

VIII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công	601,154,392	1,171,551,766
Công ty TNHH MTV Thành Công Vĩnh Long	530,585,104	
Công ty TNHH MTV TC Eland	2,009,513,137	
Eland Fashion Sanghai Co.LTD	75,533,795,546	45,183,950,494
Eland Fashion Hong Kong Limited	20,574,309,122	11,455,511,377
Eland International Fashion Shanghai Co.LTD	173,302,392,515	96,895,048,070
Công ty TNHH Eland VN	647,005,234	1,675,931,266
Eland World LTD	547,723,166,173	359,734,670,923
Eland retail LTD	779,483,161	6,944,618,574
Wish Fashion Shanghai Co.LTD	19,806,415,435	17,439,652,676
E-Land Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	110,819,984,998	
Eland Fashion Hong Kong Limited - Taiwan Branch	389,940,189	
Công ty CP SY Vina	<u>10,031,040</u>	<u>11,744,727</u>

b. Mua hàng hóa và dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công	256,462,789	653,050,000
Công ty TNHH MTV Thành Công Vĩnh Long	9,629,709,233	
Công ty TNHH MTV TC Eland	129,636,419	
Eland International Fashion Shanghai Co.LTD	141,438,650,163	58,131,329,874
Công ty TNHH Eland VN	2,327,152,594	72,391,200
Eland World LTD	45,539,875,591	37,634,227,008
Wish Trading Shanghai Co.LTD	1,370,300,852	829,488,538
Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex	3,357,174,624	1,960,211,261
Công ty CP SY Vina	114,111,270	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

c. Hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức công bố cho các cổ đông	29,459,700,600	78,559,201,600
Cổ tức đã trả cho E-Land Asia Holding (bằng tiền)	25,524,958,800	21,270,799,000
Cổ tức công bố bởi Thành Chí	1,040,950,000	
Lãi các khoản vay từ E-Land Asia Holding	1,535,197,469	1,285,030,254

2. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

a. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Eland Fashion Sanghai Co.LTD	1,543,419,990	3,165,231,813
Eland Fashion Hong Kong Limited	1,130,604,900	2,385,261,588
Eland International Fashion Shanghai Co.LTD	3,085,948,489	1,713,623,088
Công ty TNHH Eland VN		100,936,635
Eland World LTD	47,517,326,523	22,961,175,289
Eland retail		1,823,045,028
Wish Fashion Shanghai Co.LTD		834,265,850
E-Land Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	21,935,155,050	
Eland Fashion Hong Kong Limited - Taiwan Branch	175,475,935	
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công		69,629,232

b. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Thành Chí	1,040,950,000	2,602,375,000
Công ty TNHH MTV Thành Công Vĩnh Long	60,661,079,302	

c. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
E-Land Asia holdings Pte Ltd	157,640,000,000	149,520,000,000

d. Người mua trả tiền trước ngắn hạn:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Eland World LTD	709,459,047	522,216,532
Công ty TNHH Eland VN	5,568,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

e. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Eland International Fashion (Shanghai) Co LTD	31,397,592,759	8,139,709,455
Eland World LTD	11,922,392,020	4,128,022,920
Wish Trading (Shanghai) Co.LTD	107,343,157	
Công ty CP SY Vina	24,015,646	
Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex	298,310,408	206,294,364
Công ty TNHH MTV Thành Công-Vĩnh Long	8,213,256,339	
Công ty CP Trung Tâm Y Khoa Thành Công		389,760,000

f. Chi phí phải trả (tiền lãi vay)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
E-Land Asia holdings Pte Ltd	6,212,814,898	4,677,617,429

IX. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn khu vực đại lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong kỳ như sau:

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam (trong nước) hay ở các nước khác ngoài Việt nam (Xuất khẩu). Công ty không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do không đủ cơ sở tiến hành chia tách.

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Trong nước		
Doanh thu	251,869,161,742	246,537,568,728
Giá vốn	<u>211,705,572,002</u>	<u>210,609,285,153</u>
Lợi nhuận gộp	<u>40,163,589,740</u>	<u>35,928,283,575</u>
Xuất khẩu		
Doanh thu	2,513,220,922,223	2,295,448,201,720
Giá vốn	<u>2,112,457,393,463</u>	<u>1,960,929,149,112</u>
Lợi nhuận gộp	<u>400,763,528,760</u>	<u>334,519,052,608</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động sản xuất, thương mại ngành dệt may.

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:

Giải trình về lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý IV năm 2015 giảm 60,37% so với cùng kỳ quý IV năm 2014 do các nguyên nhân sau:

1. Tỷ lệ giá vốn trên doanh thu quý 4 năm 2015 : 84,18% giảm 3,27% so với quý 4 năm 2014 => dẫn đến lợi nhuận gộp quý 4 năm 2015 tăng 3,27%
2. Tỷ lệ chi phí tài chính quý 4 năm 2015 tăng 721% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó::
 - Lỗ do chênh lệch tỷ giá chiếm 31,5% chi phí tài chính
 - Dự phòng đầu tư vào Công ty con - Công Ty TNHH Một Thành Viên Thành Công Vĩnh Long chiếm 62% chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY – ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Địa chỉ: số 36, Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**Khái quát thực trạng các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	52.07	48.31
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	47.93	51.69
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62.28	61.58
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	37.72	38.42
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.01	0.99
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.07	0.13
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần	%	6.03	7.10
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5.56	6.58
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7.32	8.93
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6.75	8.27
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	17.90	21.53

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Minh Hảo

Kim Dong Ju